TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 10 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Lợi Êban, bà Lê Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn H, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* Bị đơn: Ông Đặng Ngọc T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn H, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2022 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại toà án, nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Đặng Ngọc T1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2013.

Trong thời gian chung sống vợ chồng hầu như không có hạnh phúc, ông T1 thường xuyên rượu chè say xỉn, không làm chủ được bản thân, gây sự vô cớ, xúc phạm, đánh đập bà, dọa giết bà nhiều lần khiến bà luôn sống trong lo sợ, sợ hãi.

Nay bản thân bà không còn tình cảm gì với ông T1, cuộc sống chung không có hạnh phúc, cuộc sống luôn căng thẳng, mệt mỏi nên bà xin được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Đặng Ngọc T2, sinh ngày 07/8/2013 và Đặng Thị Anh Th, sinh ngày 21/3/2009. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi cả hai con chung.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Trần Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung: Bà có nguyện vọng được nuôi cháu Đặng Thị Anh Th và giao cháu Đặng Ngọc T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng vì bà cho rằng cháu Th là con gái cần có sự quan tâm, chăm sóc, tâm sự của người mẹ, cháu lại không hợp bố, hay bị ông T1 hay la mắng nên cháu rất sợ bố. Còn cháu Đặng Ngọc T2 là con trai, cháu đã lớn và có thể tự lo những sinh hoạt tối thiểu của cháu nên đề nghị giao cháu cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

*** Bị đơn trình bày**: Ông và bà Trần Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2013. Trong thời gian chung sống, Ông bà có 02 con chung là Đặng Ngọc T2, sinh ngày 07/8/2013 và Đặng Thị Anh Th, sinh ngày 21/3/2009.

Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Ông thỉnh thoảng có đi nhậu, tuần 3 – 4 lần/tuần, thỉnh thoảng những ngày mưa có ngồi chơi đánh bài cho vui nhưng vợ chồng cũng không to tiếng với nhau, ông cho rằng bản thân ông chỉ có lỗi là đánh bài xuyên đêm, đến 1 – 2 giờ sáng mới về, dù bà T không nói gì nhưng ông biết như vậy là sai và ông hứa nếu bà T cho ông cơ hội thì ông sẽ không bao giờ tái phạm nữa. Vào ngày 08/8/2022, bà T đi nhậu với bạn bè từ sáng đến chiều về không lo cơm nước cho chồng con, hôm đó trời mưa bà ở nhà làm việc nhà, ông có nóng nảy to tiếng và có đập cái xoong (nồi), ông biết

ông làm vậy là sai, đến ngày 13/8/2022 trong lúc ông sang nhà bác chơi thì bà T đưa theo cháu Đặng Thị Anh Th và cháu Đặng Ngọc T2 bỏ nhà đi, ông đi tìm nhưng không biết đi đâu.

Nay ông nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản thân ông còn tình cảm với vợ, các con còn nhỏ cần có cha mẹ đầy đủ, vợ chồng chỉ mới xảy ra mâu thuẫn vài lần nên ông không đồng ý ly hôn với bà T. Ông mong bà T cho bà cơ hội sửa sai, quay về đoàn tụ để cùng nuôi các con trưởng thành.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Đặng Ngọc T2, sinh ngày 07/8/2013 và Đặng Thị Anh Th, sinh ngày 21/3/2009. Trường hợp nếu phải ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu, vì ông có khả năng về kinh tế, ông làm nghề thợ xây tại địa phương, có thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, ông sẽ có trách nhiệm chứng minh thu nhập của mình cho Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau đó Tòa án có triệu tập nhiều lần nhưng ông T1 không lên làm việc.

Cháu Đặng Thị Anh Th trình bày: Bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô sát với nhau. Bố thường chửi mắng, xúc phạm mẹ và cháu vô cớ. Khoảng 01 năm gần đây thi bố không còn đánh đập nữa. Bố vẫn thường uống rượu say xỉn về gây sự, chửi mẹ và cháu, không để cho cháu có không gian yên tĩnh học hành. Cháu rất sợ bố, còn mẹ thì chỉ khi cháu hư mới la mắng cháu. Vì vậy, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Cháu Đặng Ngọc T2 trình bày: Nếu bố mẹ cháu không chung sống với nhau thì cháu muốn ở với bố vì bố thường xuyên gần gũi với cháu, yêu thương, chăm sóc cháu nên cháu muốn ở với bố.

Qua trình bày của những người làm chứng xung quanh khu vực nhà ông Đặng Ngọc T1 và bà Trần Thị T cho biết: ông Đặng Ngọc T1 hay đánh bài, thường xuyên uống rượu nên vợ chồng xảy ra cãi vã, có mâu thuẫn với nhau.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Những năm gần đây ông Đặng Ngọc T1 và bà Trần Thị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T1 hay

nhậu nhẹt, bài bạc nên vợ chồng thường xuyên cự cãi lẫn nhau.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị đơn ông Đặng Ngọc T1 vắng mặt tại phiên tòa, dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai.

- Nguyên đơn bà Trần Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến - Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được đảm bảo đầy đủ các quyền và lời ích hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đặng Thị Anh Th, sinh ngày 21/3/2009 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Ngọc T2, sinh ngày 07/8/2013 cho ông Đặng Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết "ly hôn và trông chấp về con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn Trần Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đặng Ngọc T1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Ông Đặng Ngọc T1 và bà Trần Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2013, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy bà T trình bày bà và ông T1 chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T1 bài bạc, rượu chè về mắng chửi, đánh đập vợ con là phù hợp với lời khai của cháu Đặng Thị Anh Th và những người làm chứng cũng như chính quyền địa phương, lời trình bày của bà T là có cơ sở.

Ông T1 cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông còn yêu thương vợ, các con còn nhỏ cần có cha mẹ đầy đủ nhưng khi Tòa án triệu tập để hòa giải thì ông không tham gia, không thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Mặt khác, ông T1 thừa nhận mình có đánh bài xuyên đêm đến 1- 2 giờ sáng mới về, có uống rượu 3-4 lần/tuần và khi nóng nảy có to tiếng với bà T, đập xoong (nồi). Như vậy, lời trình bày của ông T1 là phù hợp với lời tình bày của bà T về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Ông T1 và bà T chung sống không hòa hợp, bà T cho rằng bà luôn sống trong lo sợ, sợ hãi thể hiện bà T không còn mong muốn chung sống với ông T1. Xét thấy giữa ông T1 và bà T đã không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, ông T1 đã có hành vi mắng chửi, xúc phạm bà T và cháu Th, đây là hành vi bạo lực gia

đình về tinh thần, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho các thành viên trong gia đình và làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm, sinh lý của các con chưa thành niên. Bà T đã không còn tình cảm với ông T1, cuộc sống chung của ông bà luôn xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung là Đặng Ngọc T2, sinh ngày 07/8/2013 và Đặng Thị Anh Th, sinh ngày 21/3/2009.

Đối với cháu Đặng Thị Anh Th là con gái, cháu đang ở lứa tuổi dậy thì có những sự thay đổi nhất định về tâm sinh lý, cần sự quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đối với cháu Đặng Ngọc T2 là con trai, cháu hợp với bố và được ông Đặng Ngọc T1 yêu thương, chăm sóc, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Xét thấy ông T1 có yêu cầu được nuôi cả hai cháu sẽ không đảm bảo tốt nhất về điều kiện vật chất cũng như việc nuôi dạy, dạy dỗ cả hai cháu. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Đặng Thị Anh Th cho bà Trần Thị T và giao cháu Đặng Ngọc T2 cho ông Đặng Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng, dạy dỗ là đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt của hai cháu, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, nợ chung, tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Đặng Ngọc T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Anh Th, sinh ngày 21/3/2009 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Đặng Ngọc T2, sinh ngày 07/8/2013 cho ông Đặng Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con thực hiện các quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2021/0013209 ngày 16/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

4. Đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Tâm

Nơi nhận:
-TANDTC;
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
-Các ĐS;
-THADS huyện Krông Bông;
- UBND xã Yang Mao, huyện Krông Bông;
-Lưu Hồ sơ.